

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 561/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 14 - 8 - 2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Xuân Trường
Bà Nguyễn Thị Sen

- Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Văn Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 297/2026/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 193/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị M**, sinh năm 1999; CCCD số 001199025114.

Nơi thường trú: **Thôn Q, xã A, thành phố Hà Nội.**

Địa chỉ tạm trú: **Thôn V, xã C, tỉnh Tuyên Quang.** Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Hoàng T**, sinh năm 1997; Số định danh cá nhân số 001097001001.

Nơi thường trú: **Thôn Q, xã A, thành phố Hà Nội.** Hiện đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 3 - Hà Nội; địa chỉ: **X, phường T, thành phố Hà Nội.** Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn là chị **Hoàng Thị M** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **Nguyễn Hoàng T** kết hôn năm 2017 tại UBND xã **V**, huyện **H** (nay là xã **A**), thành phố **Hà Nội** trên cơ sở tự nguyện.

Trước khi kết hôn, chị và anh **T** được tự do tìm hiểu nhau khoảng 01 năm. Sau khi kết hôn, chị và anh **T** về sinh sống cùng nhà với bố mẹ đẻ anh **T**. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Sau đó, chị chuyển về nhà bố mẹ của chị ở **xã A, thành phố Hà Nội** sinh sống, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2022 đến nay và không còn quan tâm, liên lạc gì với nhau. Trong thời gian chung sống với anh **T** thì chị biết anh **T** có sử dụng ma túy nên gia đình cho anh **T** đi cai nghiện tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy **số C - Hà Nội**. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin cương quyết xin ly hôn với anh **T**.

Về con chung: Chị và anh **T** có 03 con chung là: Cháu **Nguyễn Hoàng Khánh C**, sinh ngày 21/7/2016, cháu **Nguyễn Hoàng Khánh M1**, sinh ngày 02/10/2018 và cháu **Nguyễn Hoàng Đức A**, sinh ngày 12/3/2020. Ly hôn chị xin nuôi 3 cháu và không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại chị làm nghề tự do thu nhập bình quân từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng/tháng và được bố mẹ đẻ chị hỗ trợ chị về chỗ ở, thời gian chăm sóc con. Anh **T** đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy nên không có thu nhập.

Về tài sản chung, nợ và công sức đóng góp: Chị xác định không có.

* Bị đơn anh **Nguyễn Hoàng T** trình bày: Anh nhất trí lời trình bày của chị **Hoàng Thị M** về thời gian và điều kiện kết hôn. Sau khi kết hôn, chị **M** về sinh sống cùng anh tại nhà bố mẹ đẻ anh ở **xã A, thành phố Hà Nội**. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Anh và chị **M** chính thức sống ly thân nhau từ giữa năm 2022. Hiện nay, anh đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 3 - Hà Nội. Chị **M** xin ly hôn thì anh đồng ý, vì vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau nữa.

Về con chung: Anh và chị **M** có 03 con chung là: Cháu **Nguyễn Hoàng Khánh C**, sinh ngày 21/7/2016, cháu **Nguyễn Hoàng Khánh M1**, sinh ngày 02/10/2018 và cháu **Nguyễn Hoàng Đức A**, sinh ngày 12/3/2020. Ly hôn anh nhất trí giao các cháu **C, M1, A** cho chị **M** nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ và công sức đóng góp: Anh xác định không có.

Tại phiên tòa:

Chị **Hoàng Thị M** có đơn xin vắng mặt và giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

Anh **Nguyễn Hoàng T** có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hà Nội tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng

quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Chị **Hoàng Thị M** và anh **Nguyễn Hoàng T** đăng ký kết hôn năm 2017 tại **UBND xã V, huyện H (nay là xã A), thành phố Hà Nội**, trên cơ sở tự nguyện là hôn nhân hợp pháp. Chị **M** và anh **T** chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân từ giữa năm 2022 đến nay. Chị **M** xin ly hôn anh **T** nhất trí. Căn cứ khoản 1 Điều 51, 56, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị **Hoàng Thị M**, cho chị **Hoàng Thị M** được ly hôn anh **Nguyễn Hoàng T**; Chị **M** và anh **T** có 03 con chung là: Cháu **Nguyễn Hoàng Khánh C**, sinh ngày 21/7/2016, cháu **Nguyễn Hoàng Khánh M1**, sinh ngày 02/10/2018 và cháu **Nguyễn Hoàng Đức A**, sinh ngày 12/3/2020, ghi nhận sự thỏa thuận của chị **M** và anh **T** giao các cháu **C, M1, A** cho chị **M** trực tiếp nuôi dưỡng, chị **M** không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con chung. Chị **M** và anh **T** xác định không có tài sản chung, nợ, công sức đóng góp hai bên gia đình nên không giải quyết. Chị **M** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Chị **Hoàng Thị M** khởi kiện ly hôn anh **Nguyễn Hoàng T**, đăng ký hộ khẩu thường trú: **Thôn Q, xã A, thành phố Hà Nội**. Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hà Nội thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hà Nội thụ lý vụ án theo đơn xin ly hôn của chị **M** và đã thực hiện đầy đủ trình tự tố tụng theo quy định của pháp luật đối với các bên đương sự trong vụ án. Chị **M** và anh **T** có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị **M** và anh **T** theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của chị **Hoàng Thị M** xin ly hôn anh **Nguyễn Hoàng T**

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị **Hoàng Thị M** và anh **Nguyễn Hoàng T** đăng ký kết hôn tại **UBND xã V, huyện H (nay là xã A), thành phố Hà Nội** năm 2017, trên cơ sở tự nguyện là hôn nhân hợp pháp theo quy định khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Cả chị **M** và anh **T** đều xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống ly thân từ giữa năm 2022 đến nay và không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Chị **M** xin ly hôn thì anh **T** đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng chị **M** và anh **T** đã đến mức độ

trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị **M**, cho chị **M** được ly hôn với anh **T** là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Xét yêu cầu khởi kiện của chị **Hoàng Thị M** xin nuôi các cháu **Nguyễn Hoàng Khánh C**, cháu **Nguyễn Hoàng Khánh M1**, cháu **Nguyễn Hoàng Đức A**.

Chị **Hoàng Thị M** và anh **Nguyễn Hoàng T** xác định vợ chồng có 03 con chung là: Cháu **Nguyễn Hoàng Khánh C**, sinh ngày 21/7/2016; cháu **Nguyễn Hoàng Khánh M1**, sinh ngày 02/10/2018; cháu **Nguyễn Hoàng Đức A**, sinh ngày 12/3/2020. Chị **M** có nguyện vọng nuôi các cháu **C**, **M1**, **A**, vì hiện nay anh **T** đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 3 – Hà Nội. Cháu **C** có nguyện vọng được ở cùng chị **M**, cháu **M1**, **A** còn nhỏ cần sự quan tâm của chị **M**. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên. Căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu **Nguyễn Hoàng Khánh C**, cháu **Nguyễn Hoàng Khánh M1**, cháu **Nguyễn Hoàng Đức A** cho chị **M** trực tiếp nuôi dưỡng tại thời điểm này là phù hợp.

Chị **M** không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện có căn cứ chấp nhận.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp của hai bên gia đình: Chị **M** và anh **T** xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị **M** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4]. Quyền kháng cáo: Chị **M** và anh **T** có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Hoàng Thị M**. Cho chị **Hoàng Thị M** được ly hôn anh **Nguyễn Hoàng T**.

2. Về con chung: Chị **Hoàng Thị M** và anh **Nguyễn Hoàng T** có 03 con chung là: Cháu **Nguyễn Hoàng Khánh C**, sinh ngày 21/7/2016, cháu **Nguyễn Hoàng Khánh M1**, sinh ngày 02/10/2018 và cháu **Nguyễn Hoàng Đức A**, sinh ngày 12/3/2020. Giao cháu **Nguyễn Hoàng Khánh C**, cháu **Nguyễn Hoàng Khánh M1**, cháu **Nguyễn Hoàng Đức A** cho chị **Hoàng Thị M** trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu **C**, cháu **M1**, cháu **A** đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền. Chị **M** không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi

cháu **C**, cháu **M1**, cháu **A** nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh **T** cho đến khi có yêu cầu mới hoặc khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp của hai bên gia đình: Chị **Hoàng Thị M** và anh **Nguyễn Hoàng T** xác định không có.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị **Hoàng Thị M** phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012422 ngày 25/5/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị **Hoàng Thị M** và anh **Nguyễn Hoàng T** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 8 – Hà Nội;
- THADS TP Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- UBND xã An Khánh, TP Hà Nội;
(số 49, ngày 07/9/2017 xã Vân Côn)
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu